ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TẠ AN KHƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-UBND	*Xã Tạ An Khương, ngày tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO
V/v công khai Danh mục thông tin được công khai về văn bản Quy phạm pháp luật của xã Tạ An Khương

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 ngày 23/4/2026;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP, ngày 26/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin;

Thực hiện Kế hoạch số 124/KH-UBND, ngày 25/06/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương về triển khai thi hành Luật tiếp cận thông tin trên địa bàn xã Tạ An Khương;

Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương thông báo đường dẫn truy cập Chuyên mục về tiếp cận thông tin và Danh mục thông tin phải được công khai tháng 10/2026 trên Trang thông tin điện tử của xã, cụ thể như sau:

1. Chuyên mục về tiếp cận thông tin

Đường dẫn truy cập: https://taankhuong.camau.gov.vn/tuyen-truyen-cac-van-ban-phap-luat

2. Danh mục thông tin phải được công khai

Danh mục thông tin phải được công khai tháng 10/2026 được đăng tải tại Chuyên mục về tiếp cận thông tin trên Trang thông tin điện tử của xã để cơ quan, tổ chức, cá nhân thuận tiện tra cứu, khai thác thông tin theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Danh mục thông tin phải được công khai).

Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, truy cập và khai thác thông tin theo quy định./.

Nơi nhận: - UBND tỉnh; - Sở Tư pháp; - UBND các xã, phường; - Thường trực Đảng ủy; - Thường trực HĐND xã; - CT, các PCT UBND xã; - Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã; - Trung tâm phục vụ hành chính công xã; - Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND xã; - Trung tâm Công ích xã: - Lưu: VT.	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Châu Hồng Nhung**

DANH MỤC
THEO DÕI VĂN BẢN QPPL THÔNG TIN ĐƯỢC CÔNG KHAI
Tháng 10/2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 27/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã)

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày thông qua/ký ban hành	Tên văn bản, trích yếu nội dung	Ngày có hiệu lực	Ngày công khai	Hình thức công khai	Địa chỉ truy cập/tài liệu minh chứng	Ghi chú
1	04/2026/QĐ-UBND	21/10/2026	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tạ An Khương	31/10/2026	21/10/2026	Trực tiếp, Trang thông tin điện tử	https://taankhuong.camau.gov.vn/tuyen-truyen-cac-van-ban-phap-luat	
2	05/2026/QĐ-UBND	21/10/2026	Ban hành Quy định hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Tạ An Khương	31/10/2026	21/10/2026	Trực tiếp, Trang thông tin điện tử	https://taankhuong.camau.gov.vn/tuyen-truyen-cac-van-ban-phap-luat	

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TẠ AN KHƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐ-UBND	*Xã Tạ An Khương, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tạ An Khương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 477/TTr-PVHXH ngày 13/10/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tạ An Khương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tạ An Khương.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2026. Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Tạ An Khương, Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Nam ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Tạ An Khương Nam và Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Tạ An Khương Đông hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Văn hoá - Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Trưởng ấp các ấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND,UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan giúp việc Đảng ủy, UBND;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- Các ấp trên địa bàn xã;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TẠ AN KHƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tạ An Khương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND ngày 21/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tạ An Khương bao gồm: Nội dung, hình thức thực hiện dân chủ trên địa bàn xã, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở. Quy chế này áp dụng đối với công dân Việt Nam cư trú tại xã, ấp nơi mình cư trú. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở tại xã theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Điều 3. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối

với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Quyền thụ hưởng của công dân

1. Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

3. Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

4. Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Chương II
CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở XÃ

Điều 6. Những nội dung chính quyền phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương phải công khai các nội dung sau đây:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của xã và kết quả thực hiện;

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của xã trình Hội đồng nhân dân xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã; quy hoạch xây dựng xã;

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương;

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp;

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương;

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn xã;

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn xã;

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Quân đội nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã;

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã;

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 20 của Quy chế này;

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương trực tiếp thu;

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương trực tiếp thực hiện;

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế này.

Điều 7. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

a) Niêm yết thông tin;

b) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã;

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của xã;

d) Thông qua Trưởng ấp để thông báo đến công dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật;

h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;

i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, tại ấp;

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân xã phải tổ chức công khai thông tin.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân xã thông qua; Kiểm tra, đôn đốc và báo cáo Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện.

Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định tại Mục này.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

Chương III

NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Mục 1. NỘI DUNG, HÌNH THỨC NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC VÀ NHÂN DÂN TRONG VIỆC THAM GIA BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC Ở CƠ SỞ CỦA NHÂN DÂN

Điều 9. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn xã, ở ấp do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng ấp.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 10. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng ấp tổ chức để Nhân dân ở ấp bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 9 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ

trường hợp cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định thì thực hiện hình thức phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

Hình thức biểu quyết trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 9 của Quy chế này mà Trưởng ấp sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở ấp thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 11. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư thuộc phạm vi xã; kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong ấp.

Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

2. Trưởng ấp có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của Nhân dân tại ấp; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong ấp; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân ở ấp và đến Ủy ban nhân dân xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở

1. Công dân, hộ gia đình tích cực quan tâm đến công việc chung của cộng đồng dân cư; có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong ấp, trong địa bàn xã; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư; tập hợp, nắm bắt ý kiến chung của các thành viên hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được đăng ký tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở cấp xã, ở ấp có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong ấp, trong địa bàn xã; có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và tuyên truyền, hướng dẫn, vận động gia đình và các thành viên trong cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban Thanh tra nhân dân.

Mục 2. TỔ CHỨC CUỘC HỌP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH VÀ BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI ẤP ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 13. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng ấp triệu tập và chủ trì tổ chức; trường hợp cuộc họp để bầu, cho thôi làm Trưởng ấp thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trường hợp khuyết Trưởng ấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở ấp hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại ấp đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng ấp, Ban công tác Mặt trận ở ấp, đại diện các hộ gia đình trong ấp.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp ấp có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư.

Trưởng ấp có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận ở ấp hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với Trưởng ấp để tổng hợp vào kết quả chung của toàn ấp.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do

các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 14. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

1. Trưởng ấp tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong ấp hoặc trong địa bàn xã đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Các trường hợp khác do Trưởng ấp quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở ấp.

2. Trưởng ấp phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở ấp xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến Nhân dân ở ấp về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

Điều 15. Biểu quyết trực tuyến tại ấp

1. Điều kiện tổ chức biểu quyết trực tuyến tại ấp

a) Các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 9 của Quy chế này phải được Trưởng ấp thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở ấp về việc không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

b) Được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

c) Đại diện các hộ gia đình có thiết bị điện tử hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet để thực hiện biểu quyết trực tuyến và phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương.

2. Chuẩn bị biểu quyết trực tuyến

a) Trưởng ấp phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở ấp báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trước khi thực hiện.

b) Trưởng ấp thành lập Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến từ 03 đến 05 người gồm: đại diện ấp, Ban công tác Mặt trận ở ấp, đại diện hộ gia đình và người sử dụng thành thạo về ứng dụng cộng nghệ thông tin tham gia tổ chức biểu quyết

trực tuyến. Tổ trưởng Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến là đại diện Ban công tác Mặt trận ở ấp.

c) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến lựa chọn mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật để tạo nhóm mạng xã hội của ấp và mời đại diện hộ gia đình thạm gia; tạo bình chọn trong nhóm mạng xã hội của ấp để lấy ý kiến của đại diện hộ gia đình về hình thức biểu quyết trực tuyến.

Thông tin của đại diện hộ gia đình tham gia nhóm mạng xã hội của ấp gồm: Họ và tên, địa chỉ thường trú.

Việc tổ chức biểu quyết trực tuyến được thực hiện khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong ấp lựa chọn đồng ý bằng hình thức biểu quyết trực tuyến.

d) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến tạo nội dung bình chọn gồm: Nội dung biểu quyết, hình thức biểu quyết (đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác). Nội dung bình chọn phải ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thao tác.

3. Tiến hành biểu quyết trực tuyến

Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến thông báo cụ thể về hình thức, nội dung, thời gian biểu quyết trực tuyến và hướng dẫn đại diện các hộ gia đình truy cập nhóm mạng xã hội của ấp để thực hiện biểu quyết. Trường hợp đại diện hộ gia đình cần hỗ trợ thì liên hệ Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến để được hướng dẫn chi tiết.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả biểu quyết trực tuyến

a) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến theo dõi, tổng hợp, lập thành biên bản và báo cáo Trưởng ấp kết quả tại thời điểm kết thúc biểu quyết trực tuyến gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, tổng số đại diện hộ gia đình tham gia biểu quyết, tổng số đại diện hộ gia đình đồng ý, tổng số hộ gia đình không đồng ý, các ý kiến khác (nếu có) về nội dung lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến và kèm theo bản chụp kết quả biểu quyết trực tuyến, danh sách đại diện các hộ gia đình tham gia biểu quyết trực tuyến.

b) Kết quả biểu quyết trực tuyến được lập thành biên bản theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP; được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong ấp lựa chọn đồng ý và được niêm yết công khai tại nhà văn hóa, các điểm sinh hoạt cộng đồng của ấp, thông báo trên hệ thống phát thanh, trên nhóm mạng xã hội của ấp hoặc bằng các hình thức khác phù hợp với thực tế của ấp.

Quyết định của cộng đồng dân cư được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc biểu quyết trực tuyến.

5. Trường hợp Trưởng ấp lựa chọn sử dụng tiện ích, ứng dụng hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để biểu quyết trực tuyến thì trình tự thực hiện biểu quyết trực tuyến theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Mục 3. QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG ẤP

Điều 16. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng ấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm:

a) Ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng ấp; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng ấp.

b) Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng ấp sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Tổ bầu cử gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận ở ấp, làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở ấp (không phải là người ứng cử Trưởng ấp).

Các quyết định phải được thông báo đến Nhân dân ở ấp, niêm yết tại nhà văn hóa của ấp và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận ở ấp tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở ấp dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng ấp; báo cáo cấp ủy chi bộ ấp để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng ấp; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận ở ấp sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ ấp để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử (ít nhất 01 người). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi tới Ủy ban nhân dân xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Điều 17. Tiến hành bầu Trưởng ấp

Việc tổ chức bầu Trưởng ấp tại cuộc họp của cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 18. Công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng ấp hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng ấp chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân xã.

Điều 19. Quy trình cho thôi làm Trưởng ấp

1. Việc cho thôi làm Trưởng ấp được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp:

a) Người xin thôi làm Trưởng ấp vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nêu rõ lý do xin thôi.

b) Trưởng ban công tác Mặt trận ở ấp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng ấp không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong ấp kiến nghị.

2. Công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng ấp:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân xã xem xét, ra quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng ấp. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng ấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng ấp thì Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng ấp, Ủy ban nhân dân xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng ấp mới.

Trong thời gian khuyết Trưởng ấp, Ủy ban nhân dân xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định cử Trưởng ấp lâm thời để điều hành hoạt động của ấp cho đến khi bầu được Trưởng ấp mới.

Chương IV

NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 20. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành, nghề của xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định canh, định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên ấp, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế

hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo quy hoạch đô thị và nông thôn.

7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn xã.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở xã, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền xã thấy cần lấy ý kiến.

Điều 21. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến

1. Các hình thức lấy ý kiến Nhân dân bao gồm:

a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân;

b) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

c) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;

d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng (nếu có);

đ) Thông qua Ban công tác Mặt trận ở ấp và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;

e) Thông qua trang thông tin điện tử của chính quyền xã;

g) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, tại ấp;

h) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 20 của Quy chế này.

2. Tùy theo nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến Nhân dân, khả năng, điều kiện đáp ứng thực tế của địa phương và phù hợp với quy chế thực hiện dân chủ ở xã, Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn một hoặc một số hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Trường hợp pháp luật có quy định về việc áp dụng hình thức, cách thức tổ chức cụ thể để lấy ý kiến của Nhân dân về nội dung nhất định thì việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Nhân dân thực hiện theo quy định đó.

Điều 22. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 20 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của xã, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức

thực hiện việc lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của xã để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định và thực hiện việc công khai kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến Ủy ban nhân dân xã để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xã về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân trên địa bàn; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thực hiện giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn; việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến trong trường hợp Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành và quá trình, kết quả giải trình, tiếp thu và tổ chức thực hiện các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến.

Điều 23. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở xã

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và mọi công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Chương V

NHÂN DÂN THAM GIA GIÁM SÁT

Mục 1. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC BẢO ĐẢM ĐỂ NHÂN DÂN THỰC HIỆN KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 24. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền xã, cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn.

Điều 25. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cấp xã và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền xã, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Chính quyền xã, cán bộ, công chức xã, Trưởng ấp, Ban công tác Mặt trận ở ấp, các tổ chức, đoàn thể, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở

địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền địa phương và của cán bộ, công chức và người lao động trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội xã hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

c) Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn xã làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nội dung của quy chế thực hiện dân chủ ở xã có thể mở rộng hơn phạm vi thực hiện dân chủ ở xã nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Quy chế này.

d) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Mục 2. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN XÃ, CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 27. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật; bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch; quá trình tiến hành các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được kiểm tra, giám sát.

2. Không được lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo tổ chức, cá nhân, Nhân dân để thực hiện các hành vi trái pháp luật.

3. Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 28. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân xã

1. Ban Thanh tra nhân dân xã gồm các thành viên được bầu từ các ấp trên địa bàn xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng ấp trên địa bàn xã nhưng không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Trưởng ấp trên cùng địa bàn.

Trên cơ sở đề nghị của Ban công tác Mặt trận ở ấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xem xét, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã; hướng dẫn bầu, bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã. Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi, bầu bổ sung làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Trường hợp khuyết thành viên Ban Thanh tra nhân dân trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban công tác Mặt trận ở ấp phối hợp với Trưởng ấp tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 29. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động

a) Ban Thanh tra nhân dân ở xã xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 38 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo từng quý, 06 tháng, hằng năm và nhiệm kỳ.

Kế hoạch gồm các nội dung cơ bản: mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác cho việc thực hiện Kế hoạch hoạt động.

Kế hoạch hoạt động có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

b) Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động, Ban Thanh tra nhân dân xã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể để gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và đối tượng kiểm tra, giám sát khác (nếu có) chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát.

2. Phương thức hoạt động

a) Tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở xã.

b) Làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, đối chiếu, tổng hợp thông tin và đánh giá, làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

c) Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, xác minh đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ báo cáo

Ban Thanh tra nhân dân xã báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng, năm, nhiệm kỳ, đột xuất khi có yêu cầu hoặc phát sinh.

Điều 30. Phối hợp thực hiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã

1. Ban Thanh tra nhân dân xã có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Thường xuyên liên hệ, phối hợp chặt chẽ với Nhân dân để tiếp nhận, phản hồi kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã để giải quyết kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Ban Thanh tra nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Mục 3. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 31. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả, không gây cản trở, ảnh hưởng đến việc triển khai, thực hiện chương trình, dự án.

3. Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 32. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã và đại diện người dân trên địa bàn ấp nơi có chương trình, dự án. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Đối với số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện người dân trên địa bàn ấp nơi có chương trình, dự án do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định nhưng không quá 05 người.

3. Số lượng Phó Trưởng Ban do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nhưng không quá 02 người.

Điều 33. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động:

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 43 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và phải phù hợp với đặc điểm, tính chất và yêu cầu của từng chương trình, dự án.

Kế hoạch hoạt động gồm các nội dung cơ bản: Mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác. Kế hoạch hoạt động được điều chỉnh khi chương trình, dự án có sự thay đổi.

2. Phương thức hoạt động:

a) Tiếp nhận thông tin phản ánh trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của công dân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Chủ động thu thập, thông tin, tài liệu để tiến hành phân tích, đối chiếu và tổng hợp, đánh giá tính xác thực, sự phù hợp khi thực hiện chương trình, dự án; nội dung phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về chương trình, dự án trên địa bàn.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát trực tiếp tại nơi thực hiện chương trình, dự án. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có thể mời người có chuyên môn liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định.

d) Ấp thông báo kết quả kiểm tra, giám sát đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ báo cáo:

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng định kỳ báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hoặc khi có yêu cầu về kết quả giám sát các chương trình, dự án trên địa bàn.

Điều 34. Công tác phối hợp thực hiện hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định số lượng thành viên; cử đại diện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; dự kiến địa bàn và số thành viên được bầu theo từng địa bàn để chỉ đạo Ban công tác Mặt trận ở ấp phối hợp cùng Trưởng ấp tổ chức việc bầu thành viên là đại diện Nhân dân tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tổ chức cuộc họp của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; cử, đề nghị cử hoặc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu;

b) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện; thông báo về thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và Nhân dân ở địa phương;

c) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Động viên Nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm sau đây:

a) Bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và thông báo kết quả thực hiện đến Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chương VI

TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã trong tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã

1. Tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã.

3. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã.

4. Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 36. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện Quy chế này, quy ước của cộng đồng dân cư; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện Quy chế này.

3. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện Quy chế này để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

4. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế thực hiện dân chủ ở xã

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Trưởng các ấp báo cáo Ủy ban nhân dân xã *(qua Phòng Văn hóa – Xã hội)* để xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TẠ AN KHƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2026/QĐ-UBND	*Xã Tạ An Khương, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Tạ An Khương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 266/TTr-KT ngày 12 tháng 10 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Tạ An Khương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Quy định hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Tạ An Khương.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời đến Phòng Kinh tế để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã, Trưởng các ấp, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- Trưởng ấp các ấp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TẠ AN KHƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Hoạt động tự quản bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Tạ An Khương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức tổ chức hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường; tổ chức và hoạt động của Tổ tự quản về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn xã Tạ An Khương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân cư trú, sinh sống và hoạt động trên địa bàn xã Tạ An Khương.

2. Tổ tự quản về bảo vệ môi trường tại các ấp, khu dân cư.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trên địa bàn xã.

4. Trưởng ấp, Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường

1. Hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch và phát huy vai trò chủ động của cộng đồng dân cư.

2. Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và điều kiện thực tế của địa phương; Không làm thay chức năng quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích sự tham gia của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động bảo vệ môi trường. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa cộng đồng dân cư với Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Chương II
NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TỰ QUẢN

Điều 4. Tuyên truyền, vận động

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đến hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

2. Nội dung tuyên truyền tập trung vào phân loại chất thải tại nguồn; thu gom, lưu giữ, chuyển giao chất thải; không xả rác xuống sông, kênh, rạch; không đổ nước thải, chất thải gây ô nhiễm; không đốt rác trái quy định; bảo vệ nguồn nước, đất, cây xanh, cảnh quan; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi; giảm sử dụng túi ni-lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

3. Hình thức tuyên truyền gồm họp dân, sinh hoạt cộng đồng, hệ thống truyền thanh, bảng tuyên truyền, nhóm thông tin cộng đồng và các hình thức phù hợp khác.

Điều 5. Vệ sinh môi trường tại khu dân cư

1. Các ấp tổ chức ra quân tổng vệ sinh môi trường định kỳ hoặc khi cần thiết.

2. Nội dung gồm: thu gom rác; vệ sinh đường giao thông, cầu, cống; phát quang bụi rậm; khơi thông dòng chảy; vệ sinh kênh, rạch; xử lý điểm rác tự phát; chăm sóc cây xanh, hoa và cảnh quan.

3. Khuyến khích mỗi ấp xây dựng ít nhất một tuyến đường hoặc tuyến kênh, rạch tự quản về môi trường.

Điều 6. Phân loại và quản lý chất thải

1. Hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh Cà Mau.

2. Chất thải phải được lưu giữ phù hợp, không để phát tán gây ô nhiễm.

3. Không vứt rác xuống đường, sông, kênh, rạch; không đổ rác tại nơi không được phép; không đốt chất thải trái quy định; không chôn lấp chất thải không đúng quy định; không đổ chất thải xây dựng, chất thải sản xuất hoặc xác động vật tại nơi công cộng, nguồn nước.

4. Khuyến khích tái sử dụng, tái chế và giảm phát sinh chất thải.

Điều 7. Bảo vệ nguồn nước và quản lý nước thải sinh hoạt

1. Không xả chất thải, nước thải gây ô nhiễm nguồn nước; Không vứt rác, xác động vật, bao bì thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất xuống nguồn nước.

2. Không thực hiện hành vi làm cản trở dòng chảy của kênh, rạch do đổ chất thải hoặc vật liệu trái quy định.

3. Hộ gia đình, cá nhân thực hiện thu gom, xử lý hoặc thoát nước thải sinh hoạt phù hợp; không để nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước và khu vực công cộng.

4. Hộ gia đình, cá nhân khi phát hiện hành vi gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm kịp thời báo cho Ủy ban nhân dân xã hoặc cơ quan có thẩm quyền gần nhất.

Điều 8. Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản

1. Vận động hộ nuôi thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Thực hiện vệ sinh khu vực nuôi, bờ ao, kênh cấp, kênh thoát nước; không để chất thải phát sinh gây ô nhiễm môi trường.

2. Thu gom bao bì thuốc thú y thủy sản, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn thủy sản sau sử dụng và chuyển đến nơi thu gom theo quy định.

3. Tham gia giám sát việc bảo vệ nguồn nước dùng chung; kịp thời phản ánh hiện tượng ô nhiễm, dịch bệnh hoặc các hành vi xả thải gây ảnh hưởng đến cộng đồng.

4. Khuyến khích áp dụng các mô hình nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm nước, giảm phát sinh chất thải và tái sử dụng phụ phẩm theo quy định.

Điều 9. Quản lý nước thải, bùn thải và xác thủy sản chết

1. Hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý nước thải, bùn thải theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích bố trí ao lắng, ao xử lý hoặc áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường trước khi xả nước ra môi trường tiếp nhận.

3. Không xả trực tiếp bùn đáy ao, nước thải chưa được xử lý theo quy định hoặc xác thủy sản chết xuống sông, kênh, rạch, hệ thống cấp nước hoặc khu vực công cộng.

4. Bùn thải sau nạo vét được thu gom, lưu giữ, tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định; không đổ bùn làm cản trở dòng chảy hoặc gây ô nhiễm môi trường.

Điều 10. Bảo vệ cảnh quan, cây xanh và vật nuôi

1. Hộ gia đình có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh khu vực trước và xung quanh nhà.

2. Không tập kết rác, vật liệu xây dựng hoặc chất thải gây mất mỹ quan, cản trở giao thông.

3. Không tự ý chặt phá, hủy hoại cây xanh thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước.

4. Khuyến khích trồng cây xanh, hoa, cây cảnh tại khu dân cư và các tuyến đường.

5. Không chăn, thả động vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng, ảnh hưởng đến giao thông, cảnh quan và môi trường sống của cộng đồng.

Chương III

TỔ CHỨC TỰ QUẢN

Điều 11. Tổ tự quản về bảo vệ môi trường

1. Tùy điều kiện thực tế, mỗi ấp tổ chức Tổ tự quản về bảo vệ môi trường hoặc phân công lực lượng phù hợp thực hiện nhiệm vụ tự quản.

2. Tổ tự quản hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác và phối hợp với Trưởng ấp.

3. Thành viên có thể gồm Trưởng ấp hoặc người được phân công; đại diện Ban công tác Mặt trận; đại diện các tổ chức chính trị - xã hội; đại diện hộ gia đình; người có uy tín trong cộng đồng; cá nhân tự nguyện tham gia.

4. Việc thành lập, phân công nhiệm vụ và hoạt động phải phù hợp điều kiện thực tế của từng ấp.

Điều 12. Nhiệm vụ của Tổ tự quản

1. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; Vận động hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải theo quy định.

2. Theo dõi tình hình vệ sinh môi trường tại khu dân cư; Phối hợp tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường.

3. Phát hiện, ghi nhận các vấn đề môi trường, báo cáo Trưởng ấp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu vi phạm hoặc vượt phạm vi giải quyết của ấp.

4. Trường hợp vụ việc nghiêm trọng, có nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng hoặc môi trường thì Tổ tự quản có thể thông báo trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã.

5. Vận động hộ gia đình, cá nhân khắc phục tồn tại về vệ sinh môi trường; Đề xuất xây dựng mô hình, tuyến đường, tuyến kênh tự quản.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Tổ tự quản

1. Được tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân; phản ánh các vấn đề môi trường; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường của cộng đồng.

2. Có trách nhiệm khách quan, trung thực khi ghi nhận và phản ánh vụ việc.

3. Không được tự ý xử phạt, thu tiền phạt hoặc cưỡng chế người vi phạm.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ NHÂN DÂN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Phòng Kinh tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân xã theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường.

2. Trưởng các ấp tổ chức tuyên truyền, vận động và triển khai hoạt động tự quản phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Trách nhiệm của Phòng Kinh tế

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Hướng dẫn các ấp triển khai hoạt động tự quản.

3. Theo dõi, tổng hợp kết quả; tham mưu kiểm tra các điểm có nguy cơ ô nhiễm; Tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các ấp; tham mưu UBND xã xử lý vụ việc thuộc thẩm quyền. Định kỳ tham mưu đánh giá hoạt động tự quản.

Điều 16. Trách nhiệm của Trưởng ấp

1. Tổ chức phổ biến Quy định đến Nhân dân; vận động hộ gia đình tham gia.

2. Tổ chức hoặc phân công lực lượng tự quản; xây dựng kế hoạch vệ sinh môi trường của ấp.

3. Theo dõi các điểm phát sinh rác thải; tiếp nhận phản ánh của Nhân dân. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Kinh tế xã) các vụ việc vượt phạm vi giải quyết của ấp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào các phong trào, cuộc vận động phù hợp.

2. Tham gia giám sát cộng đồng; phối hợp xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả.

Điều 18. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân

1. Chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giữ gìn vệ sinh nhà ở và khu vực xung quanh.

2. Phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải theo quy định.

3. Không xả rác, nước thải, chất thải gây ô nhiễm môi trường; tham gia hoạt động vệ sinh môi trường.

4. Không chăn, thả động vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

5. Phản ánh hành vi gây ô nhiễm môi trường đến Trưởng ấp hoặc Ủy ban nhân dân xã.

Chương V

GIÁM SÁT, PHẢN ÁNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Giám sát của cộng đồng

1. Người dân có quyền tham gia giám sát hoạt động bảo vệ môi trường tại khu dân cư. Việc giám sát phải khách quan, đúng pháp luật.

2. Người dân có thể phản ánh trực tiếp với Trưởng ấp, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 20. Tiếp nhận và xử lý phản ánh

1. Trưởng ấp có trách nhiệm tiếp nhận phản ánh về môi trường trên địa bàn ấp.

2. Đối với vụ việc đơn giản, Trưởng ấp phối hợp với Tổ tự quản vận động hộ gia đình, cá nhân hoặc tổ chức có liên quan khắc phục.

3. Đối với vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vượt phạm vi giải quyết của ấp, Trưởng ấp báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

4. Ủy ban nhân dân xã xem xét, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tiếp nhận thông tin, phản ánh và phối hợp ứng phó sự cố môi trường

1. Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức khi phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc sự cố môi trường có trách nhiệm thông tin cho Tổ tự quản, Trưởng ấp hoặc Ủy ban nhân dân xã.

2. Tổ tự quản có trách nhiệm ghi nhận, phản ánh kịp thời cho Trưởng ấp; Trưởng ấp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã đối với vụ việc có dấu hiệu gây ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

3. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường, Tổ tự quản phối hợp với Trưởng ấp và các cơ quan có liên quan tuyên truyền, cảnh báo người dân, hỗ trợ bảo vệ hiện trường và thực hiện các biện pháp ứng phó theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Những vụ việc vượt thẩm quyền của UBND cấp xã được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thì tùy tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính chỉ được thực hiện bởi người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Tổ tự quản, Trưởng ấp và cộng đồng dân cư không được tự ý xử phạt, thu tiền phạt hoặc cưỡng chế người vi phạm.

4. Việc khắc phục hậu quả thực hiện theo quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KINH PHÍ

Điều 23. Theo dõi, đánh giá hoạt động tự quản

1. Hoạt động của Tổ tự quản được theo dõi, đánh giá thường xuyên; định kỳ hằng tháng, quý và năm căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Nội dung theo dõi, đánh giá tập trung vào:

a) Mức độ tham gia của thành viên Tổ tự quản và hộ gia đình trên địa bàn;

b) Việc thực hiện các nhiệm vụ, nội dung tự quản đã được phân công;

c) Kết quả thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại và quản lý chất thải;

d) Tình hình phát hiện, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm môi trường, các điểm tập kết, đổ rác không đúng quy định và các vấn đề môi trường phát sinh trên địa bàn;

đ) Kết quả phối hợp với Trưởng ấp, Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường;

e) Những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị trong quá trình hoạt động.

Điều 24. Biểu dương, khen thưởng và nhân rộng mô hình

1. Hằng năm, căn cứ kết quả theo dõi, đánh giá hoạt động tự quản quy định tại Điều 23 của Quy định này, Ủy ban nhân dân xã xem xét, lựa chọn các Tổ tự quản, tập thể, cá nhân và mô hình cộng đồng có thành tích tiêu biểu trong công tác bảo vệ môi trường để biểu dương, khen thưởng theo quy định.

2. Việc biểu dương, khen thưởng được thực hiện trên cơ sở mức độ đóng góp, tính thiết thực, hiệu quả và khả năng duy trì bền vững của hoạt động; khuyến khích các sáng kiến, cách làm hay, huy động được sự tham gia của cộng đồng và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Khuyến khích biểu dương, nhân rộng các mô hình có hiệu quả, thiết thực như:

a) Ấp xanh - sạch - đẹp;

b) Tuyến đường không rác;

c) Tuyến kênh tự quản;

d) Khu dân cư không xả rác xuống kênh, rạch;

đ) Hộ gia đình thân thiện với môi trường;

e) Các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải và các sáng kiến khác có hiệu quả trong bảo vệ môi trường.

4. Ủy ban nhân dân xã khuyến khích nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả phù hợp với điều kiện của từng khu dân cư.

Điều 25. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định và các nguồn hợp pháp khác.

2. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.

3. Không được tự ý đặt ra các khoản đóng góp bắt buộc đối với hộ gia đình, cá nhân.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Triển khai tại các ấp

1. Các ấp căn cứ Quy định này tổ chức hoạt động tự quản phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Mỗi ấp xác định cụ thể tuyến đường tự quản; tuyến kênh, rạch tự quản; khu vực công cộng cần duy trì vệ sinh; thành viên Tổ tự quản; lịch vệ sinh; hình thức tuyên truyền; phương thức tiếp nhận phản ánh. Việc tổ chức thực hiện phải phù hợp đặc điểm dân cư, sản xuất và điều kiện môi trường của từng ấp.

Điều 27. Chế độ báo cáo

1. Trưởng ấp định kỳ báo cáo UBND xã *(qua Phòng Kinh tế xã)* về kết quả thực hiện. Trên cơ sở đó, Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã đánh giá và báo cáo theo quy định.

2. Nội dung báo cáo gồm công tác tuyên truyền; số hộ tham gia; số đợt vệ sinh; tình hình rác thải; tình hình kênh, rạch; vụ việc phát sinh; kết quả xử lý; khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất.

Điều 28. Kiểm tra và sơ kết, tổng kết

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức kiểm tra việc thực hiện hoạt động tự quản tại các ấp.

2. Hàng năm tổ chức đánh giá, sơ kết hoặc tổng kết hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường. Kết quả thực hiện là một trong những căn cứ để đánh giá hiệu quả phong trào bảo vệ môi trường tại các ấp.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, đơn vị, các ấp, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã Tạ An Khương có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc pháp luật có thay đổi, Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.